

THÔNG BÁO
CÁC KHOẢN TIỀN THU THÁNG 5 NĂM 2024
ĐỐI VỚI CÁC HỌC SINH BÁN TRÚ

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 4335/HD-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về thu học phí, các khoản thu và mức thu phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện Hóc Môn năm học 2023-2024;

Căn cứ vào tình hình hoạt động của đơn vị trong năm học 2023-2024, trường Tiểu học Mỹ Hòa thông báo đến quý phụ huynh các khoản thu tháng 5 năm 2024 như sau:

STT	Nội dung thu	Mức thu của UBND huyện 2023-2024	Mức thu trường					Ghi chú
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	80.000					80.000	1 tháng (lớp 5 học bán trú)
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (CTPT 2018-TATC) (8 tiết/tháng)	57.000	50.000	50.000				1 tháng
3	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	10.000 - 30.000	23.000	23.000			23.000	1 tháng
4	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tăng cường	23000			23.000	23.000		1 tháng
5	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	1 tháng
6	Tiền tổ chức giáo dục stem	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	1 tháng
7	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (8 tiết/tháng)	115.000 - 230.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1 tháng (8 tiết/tháng)
8	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	1 tháng
9	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	100.000						HKII
10	Học phẩm (In đề thi, Giấy thi)	10.000 - 30.000						1 năm học
11	Tiền suất ăn trưa bán trú	28.000 - 32.000	672.000	672.000	672.000	672.000	672.000	21x32000
12	Tiền nước uống	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	1 tháng
TỔNG SỐ TIỀN			1.194.000	1.194.000	1.144.000	1.144.000	1.224.000	

CÁC KHOẢN TIỀN THU THÁNG 5 NĂM 2024
ĐỐI VỚI CÁC HỌC SINH HỌC 2 BUỔI/NGÀY KHÔNG BÁN TRÚ

STT	Nội dung thu	Mức thu của UBND huyện 2023-2024	Mức thu trường					Ghi chú
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	80.000					80.000	1 tháng (lớp 5 học bán trú)
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (CTPT 2018-TATC)- (8 tiết/tháng)	57.000	50.000	50.000				1 tháng
3	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	10.000 - 30.000	23.000	23.000			23.000	1 tháng
4	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tăng cường	23000			23.000	23.000		1 tháng
5	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	1 tháng
6	Tiền tổ chức giáo dục stem	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	1 tháng
7	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (8 tiết/tháng)	115.000 - 230.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1 tháng (8 tiết/tháng)
8	Học phẩm (In đề thi, Giấy thi)	10.000 - 30.000						1 năm học
9	Tiền nước uống	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	1 tháng
	TỔNG SỐ TIỀN		442.000	442.000	392.000	392.000	472.000	

HỒ
TRƯỞNG
TIỂU
MỸ
BÀ

CÁC KHOẢN TIỀN THU THÁNG 5 NĂM 2024
ĐỐI VỚI CÁC HỌC SINH HỌC TIẾNG ANH THÔNG QUA MÔN TOÁN
VÀ KHOA HỌC KHÔNG BÁN TRÚ

STT	Nội dung thu	Mức thu của UBND huyện 2023-2024	Mức thu trường					Ghi chú
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	80.000					80.000	1 tháng (lớp 5 học bán trú)
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (CTPT 2018-TATC)- (8 tiết/tháng)	57.000	50.000	50.000				1 tháng
3	Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	500.000	500.000	500.000	500.000			1 tháng lớp 1.1,1.2,2.1, 2.2, 3.1,3.2,3.3
4	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	10.000 - 30.000	23.000	23.000			23.000	1 tháng
5	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tăng cường	23000			23.000	23.000		1 tháng
6	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	1 tháng
7	Tiền tổ chức giáo dục stem	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	1 tháng
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (8 tiết/tháng)	115.000 - 230.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1 tháng (8 tiết/tháng)
9	Học phẩm (In đề thi, Giấy thi)	10.000 - 30.000						1 năm học
10	Tiền nước uống	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	1 tháng
	TỔNG SỐ TIỀN		942.000	942.000	892.000	392.000	472.000	

CÁC KHOẢN TIỀN THU THÁNG 5 NĂM 2024
ĐỐI VỚI CÁC HỌC SINH HỌC TIẾNG ANH THÔNG QUA MÔN TOÁN VÀ KHOA
HỌC CÓ BẢN TRÚ

STT	Nội dung thu	Mức thu của UBND huyện 2023-2024	Mức thu trường					Ghi chú
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
1	Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	80.000					80.000	1 tháng (lớp 5 học bán trú)
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (CTPT 2018-TATC)- (8 tiết/tháng)	57.000	50.000	50.000				1 tháng
3	Tiền tổ chức học Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	500.000	500.000	500.000	500.000			1 tháng lớp 1.1,1.2,2.1, 2.2, 3.1,3.2,3.3
4	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn	10.000 - 30.000	23.000	23.000			23.000	1 tháng
5	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tăng cường	23000			23.000	23.000		1 tháng
6	Tiền tổ chức các chương trình kỹ năng sống	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	1 tháng
7	Tiền tổ chức giáo dục stem	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	1 tháng
8	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (8 tiết/tháng)	115.000 - 230.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	1 tháng (8 tiết/tháng)
9	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	1 tháng
10	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	100.000						HKII
11	Học phẩm (In đề thi, Giấy thi)	10.000 - 30.000						1 năm học
12	Tiền suất ăn trưa bán trú	28.000 - 32.000	672.000	672.000	672.000	672.000	672.000	21x32000
13	Tiền nước uống	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	1 tháng
	TỔNG SỐ TIỀN		1.694.000	1.694.000	1.644.000	1.144.000	1.224.000	



Hiệu trưởng

Trần Thị Tiến